| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 8 – 2023
"Về việc: Ly hôn, nuôi con khi hôn'

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Đức Hợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Thêm; Ông Y Đo Niê

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2023 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích D, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 01, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Tống Kim P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn 01, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bích D trình bày:*

Bà Trần Thị Bích D và ông Tống Kim P đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh T. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Quá trình chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, lối sống, không còn quan tâm đến nhau. Ông P không tu chí làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về

nhà đánh đập vợ và phá hoại đồ đạc, tài sản trong nhà. Bà D và ông P không còn chung sống với nhau từ cuối tháng 12/2020 đến nay. Hiện tại tình cảm giữa bà D và ông P không còn. Nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để ổn định cuộc sống, làm ăn, nuôi dạy con cái.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông P và bà D có 01 con chung mang tên Tống Trần Tuyết N, sinh ngày 29/11/2019. Hiện tại con đang sống chung với bà D. Bà D có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Tống Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận lời khai, ý kiến trình bày cũng như nguyện vọng của bị đơn.*

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên HĐXX nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thôn 01, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 177, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích D và ông Tống Kim P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, vợ chồng ông P bà D thường

xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P thường hay uống rượu về nhà chửi mắng, đánh vợ và đập phá tài sản gia đình. Từ cuối tháng 12/2020 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu ly hôn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Trần Thị Bích D được ly hôn với ông Tống Kim P.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Bích D và ông Tống Kim P có một con chung Tống Trần Tuyết N, sinh ngày 29/11/2019. Hiện tại con đang ở với mẹ, xét yêu cầu của nguyên đơn tiếp tục được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn là có cơ sở. Bởi vì, con còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, để tiếp tục giao con chung cho nguyên đơn bà D nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Bích D được ly hôn với ông Tống Kim P.

2. Về con chung: Giao con Tống Trần Tuyết N, sinh ngày 29/11/2019 cho bà Trần Thị Bích D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

*Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.*

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.*

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Bích D chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0000579 ngày 10/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND phường K, thành phố H, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Võ Đức Hợi**